

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Bản án số:745/2018/HNGĐ-ST

Ngày:25/10/2018

V/v tranh chấp “Xin ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH-TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Anh Tuấn**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Nghĩa

2. Ông Nguyễn Văn Y

- Thư ký phiên tòa: Ông **Võ Trương Tấn Thành** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Bà **Lương Thị Trà My** – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 579/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2018 về tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 189B/2018/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Dương Thị Kim T**, sinh năm 1993. Nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang (Có mặt).

- Bị đơn: **Trần Trung H**, sinh năm 1986. HKTT: Ấp X, xã Y, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Dương Thị Kim T trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị và anh H xác lập quan hệ vợ chồng và có đăng ký kết hôn vào ngày 09/7/2014 tại Ủy ban nhân dân xã Y. Thời gian đầu sống hạnh phúc, đến khoảng đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không hòa hợp tánh tình, vợ chồng thường xuyên cãi vã, anh H nhiều lần đánh chị. Hiện chị đã sống ly thân từ tháng 01/2018 đến nay.

- Về con chung: Có một con chung tên Trần Đại N (Sinh ngày 31/7/2014) hiện do anh H nuôi dưỡng. Nay chị yêu cầu giao anh H tiếp tục nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

** Bị đơn anh Trần Trung H đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý, bản sao đơn kiện và tài liệu chứng cứ của nguyên đơn, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt, không có ý kiến.*

* Đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; Nguyên đơn, bị đơn: Thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị T được ly hôn với anh H; Giao con chung cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của chị T thì xác định đây là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

[2] Về hôn nhân: Chị T và anh H là vợ chồng và có đăng ký kết hôn vào ngày 09/7/2014 tại Ủy ban nhân dân xã Y, nên hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp.

Theo chị T khai nhận: Chị và anh H xác lập quan hệ vợ chồng và có đăng ký kết hôn vào ngày 09/7/2014 tại Ủy ban nhân dân xã Y. Thời gian đầu sống hạnh phúc, đến khoảng đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không hòa hợp tánh tình, vợ chồng thường xuyên cãi vã,

anh H nhiều lần đánh chị. Hiện chị đã sống ly thân từ tháng 01/2018 đến nay. Chị T cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn được.

Theo kết quả thu thập chứng cứ của Tòa án cho thấy tình cảm vợ chồng chị T và anh H đã có phát sinh mâu thuẫn, hai bên có cự cãi và anh H có đánh chị T và hiện tại anh, chị đã sống ly thân từ tháng 01/2018 cho đến nay. Bản thân anh H đã được tổng đạt bản sao đơn kiện thể hiện nội dung mâu thuẫn vợ chồng và các chứng cứ kèm theo nhưng không có ý kiến phản đối đối với tình tiết chứng cứ của chị T cung cấp. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì những tình tiết, chứng cứ của chị T đưa ra là có thật. Ngoài ra anh H cũng được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn không đến tòa để hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó cho thấy anh H cũng không mong muốn đoàn tụ. Do đó, đã đủ cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh H và chị T đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn được như lời trình bày của chị T. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, cho chị T được ly hôn với anh H.

[3] Về con chung: Anh H và chị Tiên có một con chung tên Trần Đại N (Sinh ngày 31/7/2014) hiện do anh H nuôi dưỡng. Nay chị T yêu cầu giao anh H tiếp tục nuôi dưỡng. Xét thấy theo kết quả xác minh của Tòa án thì anh H có đủ điều kiện nuôi dưỡng cháu N, hiện tại cháu N cũng đang do anh H nuôi dưỡng. Để đảm bảo cho sự phát triển bình thường của cháu N, cần chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cháu N cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng.

[4] Về cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu cấp dưỡng, nên Hội đồng không xem xét trong vụ kiện này.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng không xem xét trong vụ kiện này.

[6] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

[7] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[8] Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lý do trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn. Chị Dương Thị Kim T được ly hôn với anh Trần Trung H.

2. Về con chung: Giao cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Trần Đại N (Sinh ngày 31/7/2014).

Chị T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí hôn nhân gia đình: Chị T phải chịu 300.000đồng, được trừ vào 300.000đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0008742 ngày 29/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang nên xem như đã nộp xong án phí.

4. Chị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh H được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Bùi Anh Tuấn

